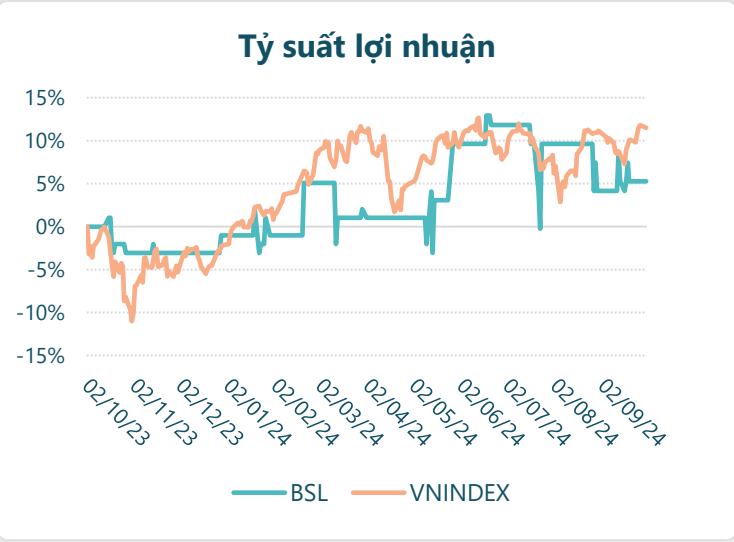


Ngày	9,600 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.1%	-5.9%	4.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,842 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	432
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,495
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.39
EPS	734
P/E	13.1



Doanh thu thuần
Q3/24

260

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.0 | 9.0%

YoY: ▲ 22.0 | 9.4%

Nợ/VCSH
Q3/24

33.6%

YoY: +/- ▼ 14.4%

LN gộp
Q3/24

15.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.00 | -6.3%

YoY: ▲ 3.10 | 24.9%

ROE (TTM)
Q3/24

6.7%

YoY: +/- ▲ 0.1%

LN trước thuế
Q3/24

13.9

tỷ VNĐ

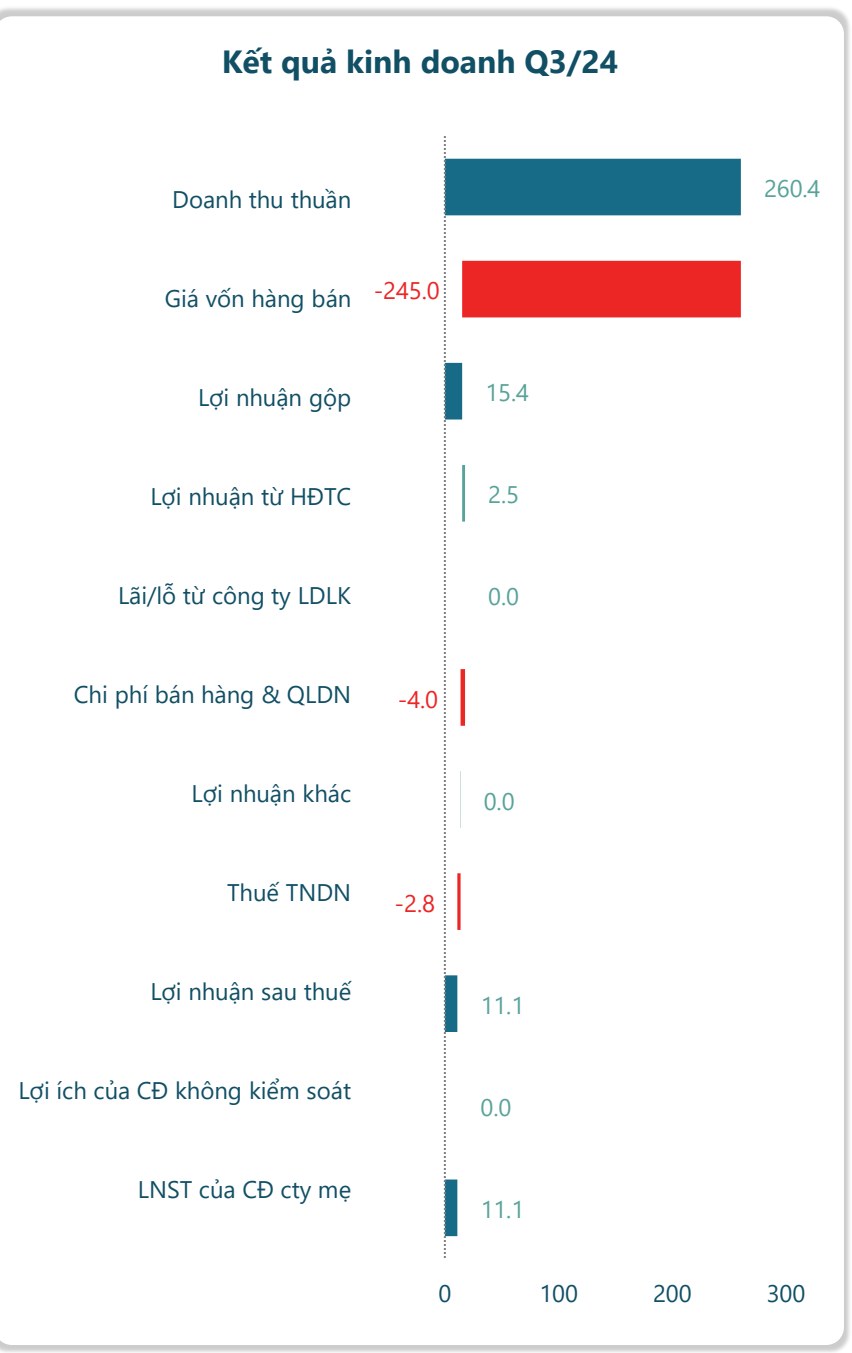
QoQ: ▼ 1.20 | -8.1%

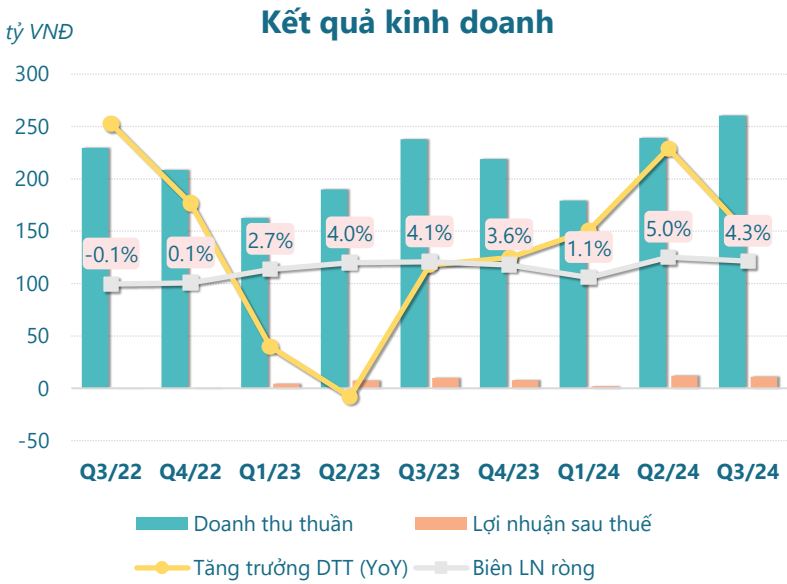
YoY: ▲ 1.50 | 11.9%

ROA (TTM)
Q3/24

4.8%

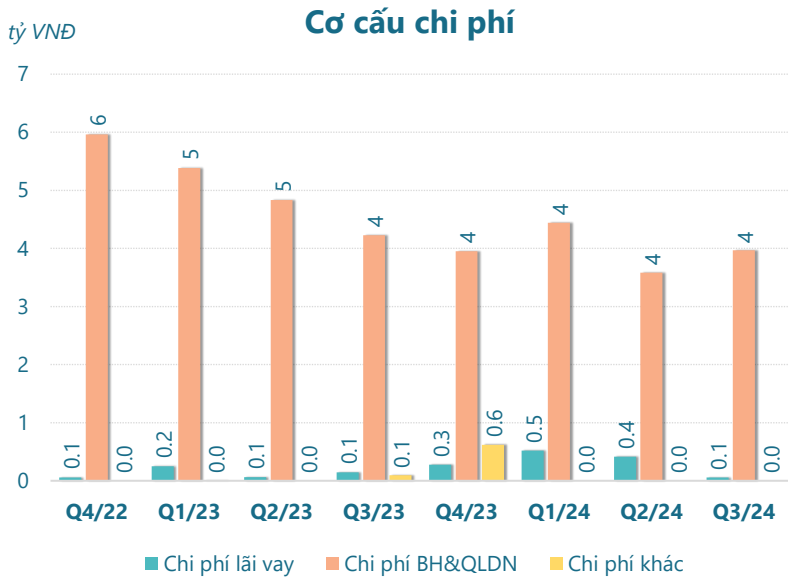
YoY: +/- ▲ 0.2%





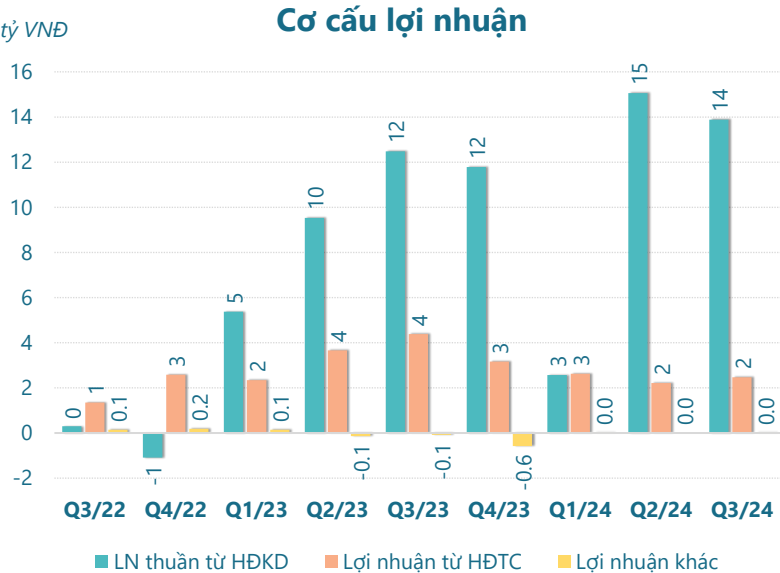
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 13.88 tỷ đồng**, giảm đi 7.77% so với kỳ trước và cao hơn 11.2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 2.47 tỷ đồng**, tăng thêm 11.3% so với kỳ trước và thấp hơn 43.7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và tăng thêm 0.09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **BSL** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **260.4 tỷ đồng** tăng thêm **9.51%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 11.10 tỷ đồng, tăng trưởng 12.8%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **678.0 tỷ đồng** cao hơn 14.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 25.00 tỷ đồng** cao hơn 13.6% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.06 tỷ đồng** giảm đi 85.7% so với kỳ trước và thấp hơn 60.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.97 tỷ đồng** tăng thêm 10.9% so với kỳ trước và thấp hơn 6.15% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	260	239	9.0%	238	9.4%	678	590	14.9%
Giá vốn hàng bán	245	223	9.9%	225	8.9%	642	559	14.9%
Lợi nhuận gộp	15.4	16.4	-6.3%	12.3	24.9%	36.2	31.4	15.0%
Doanh thu HĐTC	2.53	2.63	-3.8%	4.53	-44.2%	8.31	10.8	-23.4%
Chi phí TC	0.06	0.42	-86.7%	0.15	-62.8%	0.99	0.46	115%
Chi phí lãi vay	0.06	0.42	-86.7%	0.15	-62.8%	0.99	0.46	115%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.35	0.32	9.6%	0.00		0.91	0	
Chi phí QLDN	3.61	3.26	10.9%	4.23	-14.5%	11.1	14.4	-23.4%
LN thuần từ HĐKD	13.9	15.1	-8.1%	12.5	11.0%	31.5	27.4	15.0%
Lợi nhuận khác	0.00	0.00		-0.09	101%	0.00	-0.08	105%
LN trước thuế	13.9	15.1	-8.1%	12.4	11.9%	31.5	27.3	15.3%
Lợi nhuận sau thuế	11.1	12.0	-7.5%	9.84	12.8%	25.2	21.8	15.7%
LNST của CĐ cty mẹ	11.1	12.0	-7.5%	9.84	12.8%	25.2	21.8	15.7%

